

Bản án số: 927/2024/HS-PT

Ngày: 26 - 9 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 396/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Thái S. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2024/HSST-NCTN ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Vũ Thái S**, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1994 tại Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: 345/22 Lý Thường K, tổ 15, phường Lộc P, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Vũ Thái C1, sinh năm 1965; Con bà: Đoàn Thị T, sinh năm 1970; Cùng cư trú tại: 345/22 Lý Thường K, tổ 15, phường Lộc P, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Gia đình có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2007, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không. Tại phiên tòa, bị cáo khai có vợ là Chu Thị Tuyết T1, có 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2024.

Nhân thân:

Bản án sơ thẩm số 17/2014/HSST ngày 10/3/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tuyên phạt bị cáo Vũ Thái S 08 năm tù giam về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bản án phúc thẩm số 44/2014/HSPT ngày 15/5/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên phạt bị cáo Vũ Thái S 07 năm tù giam về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2018, đóng án phí hình sự ngày 24/6/2014.

Ngày 09/11/2021 Công an thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Vũ Thái S 4.000.000đ về hành vi gây rối trật tự công cộng. Bị cáo đóng phạt ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Bị cáo được tại ngoại (có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Ngô Đình T2 - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng là người hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến.

(Trong vụ án còn có các bị cáo khác và bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Xuân H là đối tượng có tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, có tiền sự bị xử phạt hành chính về các hành vi gây rối trật tự công cộng và hành vi tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo Cao Xuân H về sinh sống tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Để có tiền tiêu xài, Cao Xuân H đã nhiều lần sử dụng thủ đoạn gian dối và sử dụng giấy tờ giả của Cơ quan tổ chức cùng đồng phạm để lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thành phố Bảo Lộc, cụ thể như sau:

Cao Xuân H cùng đồng phạm sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 15 tỷ đồng của bà Nguyễn Thị Kim H2 (sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 36B Lý Tự Trọng, phường 2, Tp Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng).

Tháng 02/2022, bị cáo Cao Xuân H vay của bà Nguyễn Thị Bích H (sinh năm: 1959; địa chỉ: số 47 Hai Bà Tr, phường 01, Tp Bảo L) số tiền 1,6 tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng nhưng không trả được nợ cho bà H. Do vậy, cha mẹ của bị cáo H là ông Cao Văn V và bà Đặng Thị H đã chuyển nhượng tài sản nhà, đất của ông Vụ - bà Hảo cho chị Trương Thị Vân A (con bà Nguyễn Thị Bích H) để thực hiện việc cản trừ nợ cho bị cáo H. Sau khi sang tên tài sản nhà – đất cho chị Trương Thị Vân A, bà H vẫn cho gia đình ông V - bà H mượn nhà – đất để sử dụng.

Sau đó, bà H có thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Kim H2 về việc chuyển nhượng tài sản nhà – đất nêu trên cho bà H2 để thực hiện việc thanh toán nợ. Theo đó, chị Vân Anh đã làm thủ tục sang nhượng tài sản nhà – đất nêu trên cho bà H2.

Khoảng tháng 04/2022, bị cáo H dẫn mẹ đẻ là bà Đặng Thị H đến gặp bà H2 để hỏi về việc mua lại tài sản nhà – đất nêu trên thì được bà H2 cho biết giá để mua lại căn nhà trên là 04 tỷ đồng. Do mẹ con bị cáo H không có tiền nên việc mua lại nhà không thực hiện được.

Sau đó, bị cáo H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H2, H đã đặt mua của một người lạ thông qua mạng Internet 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số hiệu DA 992613 (Sau đây gọi tắt là “Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu DA 992613” - Ghi nhận nội dung vợ chồng ông Phạm Đức Vũ – bà Hà Thị Tâm đã chuyển nhượng thửa đất số 91, tờ bản đồ số 58 tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm cho Cao Xuân H – Lê Thị Thu H3), H sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ giả này và nói dối bà H2 về việc H đã mua thửa đất theo giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên của vợ chồng ông Phạm Đức Vũ – bà Hà Thị Tâm nhưng còn thiếu nợ tiền vợ chồng ông Vũ – bà Tâm số tiền 04 tỷ đồng, đồng thời H đưa ra thông tin có thỏa thuận bán lại thửa đất này cho ông Trần Hải Dương ở Tp HCM với giá 9,8 tỷ đồng, H đề nghị bà H2 cho H thế chấp tài sản theo Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu DA 992613 vay số tiền 04 tỷ đồng để trả hết tiền mua đất cho vợ chồng ông V – bà T2, sau đó H sẽ thực hiện việc bán đất cho ông D lấy tiền trả nợ bà H2 và lấy tiền để thực hiện việc mua lại căn nhà cho mẹ là bà Đặng Thị H. Do tin tưởng những thông tin bị cáo H nói là thật, bà H2 đồng ý cho H vay tiền. Ngày 25/4/2022, bà H2 đã giao số tiền vay 04 tỷ đồng cho H theo thỏa thuận, việc vay mượn tiền được bà H2 và bị cáo H lập “Giấy vay tiền” (thể hiện việc H mượn của bà H2 số tiền 04 tỷ đồng và để lại Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu DA 992613 để làm tin, đảm bảo nghĩa vụ trả nợ). Theo yêu cầu của bà H2, bị cáo H đã dẫn bà Lê Thị Thu Huyền (vợ của H) đến gặp bà H2 ký tên trong giấy vay, xác nhận khoản vay nêu trên.

Ngày 26/4/2022, H nói với bà H2 về việc cần thêm 700.000.000đ để trả thêm tiền cho vợ chồng ông Vũ – bà Tâm vì thửa đất nêu trên đã tăng giá, vợ chồng ông Vũ – bà T1 không đồng ý bán theo giá cũ, H cam kết với bà H2 ngay sau khi trả đủ tiền cho vợ chồng ông V – bà T1 thì ông D sẽ trả tiền hết tiền mua đất cho H và H sẽ sử dụng số tiền này để trả hết nợ cho bà H2 và mua lại nhà cho bố mẹ H. Tin tưởng vào những thông tin H nói là thật, bà H2 tiếp tục giao cho H thêm số tiền 700.000.000đ.

Tiếp đó, H tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của bà H2, bị cáo đề nghị bà H2 cho vay 1,3 tỷ đồng để giúp ông T3 là Công an chốt đèo Bảo Lộc làm ăn, vay 1,3 tỷ đồng để giúp mẹ con bà Diệp – anh Tài thực hiện việc đào hạn ngân hàng. Do tin tưởng những thông tin H nói là đúng sự thật và tin tưởng vào việc H cam kết sẽ chuyển nhượng tài sản theo Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu DA 992613 cho bà H2 để cản trừ nợ nếu H không thanh toán được các khoản vay, bà H2 đồng ý giao cho H thêm số tiền là 2,6 tỷ đồng.

Sau khi nhận được số tiền 7,3 tỷ đồng, do áp lực từ bà H2 về việc yêu cầu H phải thanh toán tiền nợ, bị cáo H tiếp tục đặt mua qua mạng Internet Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CB

898426 đứng tên Vũ Thái S (sau đây gọi tắt là “Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu CB 898426”), đồng thời H nhờ Vũ Thái S thực hiện việc nhận nợ với bà H2 để kéo dài thời hạn trả nợ cho H thêm 01 tháng. Để bà H2 tin tưởng, bị cáo H đã dẫn bà H2 đến một thửa đất tại xã Lộc Thành – huyện Bảo Lâm và nói cho bà H2 biết thửa đất này là của Sơn. Vũ Thái S mặc dù biết rõ giấy chứng nhận QSDĐ số CB 898426 là giả nhưng do Sơn đang nợ tiền H nên đã đồng ý thế chấp tài sản theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CB 898426 cho bà H2 để nhận nợ thay cho H. Sau đó, H dẫn Sơn đến gặp bà H2 và thỏa thuận thống nhất với bà H2 về việc Sơn thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ số CB 898426 nêu trên để nhận nợ thay cho H khoản vay 8,6 tỷ đồng. Việc nhận nợ thay được bà H2 và Sơn thống nhất lập thành tài liệu đề “Giấy vay tiền” ghi nhận việc bà H2 cho bị cáo S vay số tiền 8,6 tỷ đồng vào ngày 08/05/2022.

Sau khi nhờ bị cáo S thực hiện việc nhận nợ thay, bị cáo H lấy lý do bà H2 còn nợ ngược bị cáo H sau khi đã cản trở khoản vay được bị cáo S nhận nợ thay, đồng thời bị cáo H tiếp tục đưa ra nhiều thông tin gian dối để vay tiền bà H2, bị cáo đề nghị bà H2 cho vay 1,3 tỷ đồng để giúp ông Thư – Công an chốt đèo Bảo Lộc lo công việc, vay 2,7 tỷ đồng cho ông Việt – Thanh tra tỉnh Lâm Đồng làm sổ đỏ, vay tiền 1,3 tỷ đồng để làm giấy tờ đất. Tin tưởng những thông tin H nói là đúng và tin tưởng vào việc H sẽ chuyển nhượng đất cho bà H2 để cản trở nợ nếu không trả được tiền vay, bà H2 đã cho H vay thêm 03 khoản trên với tổng số tiền là 6,5 tỷ đồng.

Sau đó, do bị cáo H và bị cáo S không trả nợ cho bà H2 nên bà H2 mang 02 giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm để kiểm tra thì được biết các giấy chứng nhận QSDĐ này là tài liệu giả, bà H2 đã tìm gặp bị cáo H để hỏi cho rõ chuyện thì bị cáo thừa nhận việc lừa bà H2 để vay tiền, H cam kết sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền vay 13,8 tỷ đồng cho bà H2 trong thời gian sớm nhất, để bà H2 yên tâm, bị cáo H lập giấy viết tay ghi nhận việc H vay của bà H2 tổng số tiền 13,8 tỷ đồng vào ngày 19/05/2022.

Để tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H2, H nói dối bà H2 về việc chị Tạ Thị Tuyết (là người đứng tên chủ sử dụng Giấy chứng nhận QSDĐ đất số hiệu DD 780808) đang thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu DD 780808 cho H để vay tiền, do chị Tuyết không trả được nợ cho H nên chị Tuyết đồng ý chuyển nhượng đất cho H để cản trở nợ. Bị cáo H đề nghị được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 780808 cho bà H2 để vay bà H2 số tiền 1,2 tỷ đồng lấy tiền làm hồ sơ đất, sau đó sẽ bán đất lấy tiền trả hết nợ cho bà H2. Để không bị H tiếp tục lừa, bà H2 đã liên hệ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bảo Lộc để hỏi về tính pháp lý của Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu DD 780808 thì được biết đây là tài liệu thật. Thực tế, đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật, trước đó được bà Tạ Thị Tuyết (sinh năm: 1994; Địa chỉ: thôn 7, xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng) đưa cho Cao Xuân H để nhờ H làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin giấy phép xây dựng nhà cho bà Tuyết. Sau khi tìm hiểu và biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu DD 780808 là thật, bà H2 đồng ý cho chị Tuyết vay số tiền 1,2 tỷ đồng với

điều kiện chị Tuyết phải lập Hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho bà H2. Để đối phó với việc này, bị cáo H đề nghị Hồ Lê Vy đóng giả là chị Tạ Thị Tuyết để lừa bà H2 thực hiện lập Hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất, vay 1,2 tỷ đồng lấy tiền giúp cho H sử dụng vào công việc cá nhân. Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên bị cáo V đồng ý giúp bị cáo H đóng giả là chị Tạ Thị Tuyết để lừa bà H2.

Ngày 03/6/2022, bị cáo H dẫn bị cáo V đến gặp bà H2 để vay tiền. Theo thỏa thuận từ trước với bà H2, bị cáo H liên hệ Văn phòng công chứng Phạm Thị C1 và thuê anh Lữ Thạch L5 (chuyên viên văn phòng công chứng Phạm Thị Chuyên) đến nhà bà H2 để lập Hợp đồng ủy quyền. Sau khi anh L5 soạn xong Hợp đồng ủy quyền và hướng dẫn các bên ký, lăn tay điểm chỉ vào Hợp đồng, anh L5 đề nghị bà H2 và bị cáo Vy đưa bản gốc giấy chứng minh nhân dân để kiểm tra trước khi công chứng Hợp đồng. Do sợ bị bà H2 phát hiện nên bị cáo V lấy lý do không mang theo Giấy chứng minh nhân dân để từ chối yêu cầu của anh L5. Do vậy, Hợp đồng ủy quyền không được công chứng mà chỉ được các bên ký kết, lăn tay xác nhận.

Sau khi lập Hợp đồng ủy quyền, H và Vy lấy lý do đã lập Hợp đồng ủy quyền và đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H2 giữ để bà H2 giao số tiền vay 1,2 tỷ đồng, H và Vy cam kết sẽ bổ sung giấy chứng minh nhân dân để công chứng hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất sau. Tin tưởng những thông tin H và Vy là thật nên bà H2 đồng ý, lập “Giấy vay tiền” ghi nhận việc chị Tạ Thị Tuyết vay của bà H2 số tiền 1,2 tỷ đồng, sau đó đưa cho bị cáo Vy ký ghi họ tên xác nhận với tên giả là Tạ Thị Tuyết và được bà H2 giao cho số tiền 1,2 tỷ đồng, việc giao nhận tiền vay được thực hiện tại nhà bà H2. Toàn bộ số tiền vay được, bị cáo H chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Ngày hôm sau, bà H2 được anh Thạch Lữ Lân (chuyên viên văn phòng công chứng) thông báo cho biết dấu vân tay của chị Tạ Thị Tuyết trong hợp đồng ủy quyền với dấu vân tay trong hình chứng minh nhân dân của chị Tạ Thị Tuyết do H gửi cho anh Lân là không trùng khớp. Lúc này bà H2 mới phát hiện ra việc H đã nhờ người giả danh chị Tạ Thị Tuyết để tiếp tục lừa bà H2. Bà H2 có liên lạc và yêu cầu H hoàn trả tiền cho bà H2 nếu không sẽ trình báo vụ việc đến cơ quan Công an. H thừa nhận việc lừa bà H2 và đề nghị bà H2 cho thời gian để H thu xếp tiền trả lại cho bà H2. Nhưng do tiền vay đã được H sử dụng hết nên không trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bà H2.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng đã tạm giữ các tài liệu gồm:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu DA 922613.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CB 898426.

Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 49009530 ghi nhận chủ xe “Cao Xuân H”, biển số đăng ký. 49A – 306.78.

Chúng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 057501, ghi nhận thông tin chủ xe là ông Vũ Tuấn Anh, biển số đăng ký 49A – 319.35.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định các tài liệu nêu trên. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định các tài liệu này là giả.

Đối với các tài liệu liên quan đến việc vay mượn tiền với những người bị hại là bà Nguyễn Thị Kim H2, ông Trương Nguyễn Anh Quân, ông Phí Đức Tùng, ông Lê Hữu Nam giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra. Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong các tài liệu là chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của các bị cáo H, bị cáo S, bị cáo Vy.

Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo Cao Xuân H 01 súng ngắn rulo bằng kim loại màu đen, kích thước 13 cm x 18,6 cm cùng 06 vật kim loại hình dạng viên đạn, đầu dạng cao su màu đen, mặt ngoài đáy đều có ký tự “YAS GLD PAK 9mm”. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định khẩu súng và 06 vật kim loại dạng viên đạn không phải là vũ khí quân dụng mà thuộc danh mục công cụ hỗ trợ.

Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng hiện đang tạm giữ chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA Fortuner BKS: 49A – 306.78 do bà Phạm Thị Hằng giao nộp, thu giữ của bị cáo Cao Xuân H 01 điện thoại di động, 03 thẻ ATM.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-P2 ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo

Cao Xuân H về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức, quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 174, khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự;

Hồ Lê Vy về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Vũ Thái S về tội: Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2024/HSST-NCTN ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thái S phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức*”

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Thái S 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt của bị cáo Cao Xuân H, Hồ Lê Vy, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 05/4/2024, bị cáo Vũ Thái S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Thái S thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính, đang nuôi cha mẹ già yếu, nuôi 02 con nhỏ 03 tuổi và 03 tháng tuổi; bị cáo có ông nội là ông Vũ Duy Lệ có công với cách mạng, được tặng bằng Tổ quốc ghi công; mẹ bị cáo là bà Đoàn Thị Thu có đóng góp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự tại nơi cư trú, có giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lộc Phát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo S 18 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thái S thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo khác, với kết luận giám định, vật chứng thu giữ và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Vũ Thái S sau khi được bị cáo Cao Xuân H nhờ thực hiện việc nhận nợ với bà Nguyễn Thị Kim H2 mục đích để kéo dài thời hạn trả nợ cho H 01 tháng. Để bà H2 tin tưởng, bị cáo H dẫn bà H2 đến một thửa đất tại xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm và nói cho bà H2 biết thửa đất này là của Sơn, bị cáo Vũ Thái S mặc dù biết rõ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 898426 là giả nhưng do bị cáo S đang nợ tiền H nên đã đồng ý thế chấp tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 898426 cho bà H2 để nhận nợ thay cho bị cáo H. H dẫn Sơn đến gặp bà H2 và thỏa thuận thống nhất với bà H2 về việc Sơn thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để nhận nợ thay cho bị cáo H khoản vay 8,6 tỷ đồng. Việc nhận nợ thay được

bà H2, Sơn thống nhất lập thành tài liệu “Giấy vay tiền” ghi nhận việc bà H2 cho bị cáo S vay số tiền 8,6 tỷ đồng vào ngày 08/5/2022. Do H và Sơn không trả nợ nên bà H2 đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi kiểm tra thì biết được Giấy chứng nhận trên là giả, bị cáo H đã cam kết sẽ hoàn trả số tiền vay 13,8 tỷ đồng cho bà H2 trong thời gian sớm nhất và lập lại giấy vay tiền vào ngày 19/5/2022.

[3]. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Thái S phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Thái S.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý tài liệu của cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, từng bị kết án tù có thời hạn về tội “Cướp tài sản”, bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, nên phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; được bị hại Nguyễn Thị Kim H2 xin giảm nhẹ hình phạt, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 18 tháng tù là đúng quy định pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện cũng như nhân thân của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xuất trình tình tiết có ông nội là ông Vũ Duy L có công với cách mạng, được tặng bằng Tổ quốc ghi công; mẹ bị cáo là bà Đoàn Thị T có đóng góp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự tại nơi cư trú, có giấy khen của Chủ tịch UBND phường Lộc Phát. Tuy nhiên, các tình tiết này không phải là tình tiết giảm nhẹ làm thay đổi đáng kể tính nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra và đây cũng chỉ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không phải tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Thái S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thái S. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2024/HSST-NCTN ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thái S phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức*”

2. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Thái S 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án..

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Vũ Thái S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Lâm Đồng; (2)
- VKSND tỉnh Lâm Đồng; (1)
- Công an tỉnh Lâm Đồng; (1)
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBN xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 05, 18b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy